

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG DANH SÁCH BỆNH VIỆN/CƠ SỞ Y TẾ

1. Gói khám tại Việt Nam - Danh sách Bệnh viện/Cơ sở y tế

Khách hàng lựa chọn 1 trong 2 gói: Gói Private 1 hoặc Gói Private 2

❖ Gói Private 1

STT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
1	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
2	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
3	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc
4	Hà Nội	Phòng khám Raffles Medical Hà Nội
5	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka
6	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park
7	Hồ Chí Minh	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn
8	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quốc Tế Mỹ (AIH)
9	Hồ Chí Minh	Phòng khám Raffles Medical Hồ Chí Minh
10	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng
11	Hải Phòng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hải Phòng
12	Khánh Hòa	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang
13	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc
14	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG DANH SÁCH BỆNH VIỆN/CƠ SỞ Y TẾ

❖ Gói Private 2

STT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
1	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Nhật Tân
2	Hồ Chí Minh	Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn
3	Bắc Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Sông Thương
4	Thái Nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Việt Pháp
5	Cà Mau	Bệnh Viện Đa Khoa Thanh Vũ Bạc Liêu
6	Bắc Ninh	Bệnh Viện Quốc Tế Hoàn Mỹ
7	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Minh Đức
8	Gia Lai	Bệnh Viện Bình Định
9	Hồ Chí Minh	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Dương
10	Đồng Nai	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Phước
11	Lâm Đồng	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Phúc
12	Cà Mau	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Minh Hải
13	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Medlatec Cần Thơ
14	Cao Bằng	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Nội - Cao Bằng
15	Đắk Lắk	Bệnh Viện Thiện Hạnh
16	Lâm Đồng	Phòng Khám Đa Khoa Nhân Nghĩa
17	Điện Biên	Phòng Khám Đa Khoa Bình An Điện Biên
18	Đồng Nai	Bệnh Viện ITO Đồng Nai – F99 Đ.Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
19	Đồng Tháp	Bệnh Viện Đa khoa Trí Tâm Cao Lãnh
20	Gia Lai	Bệnh viện Đại Học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG DANH SÁCH BỆNH VIỆN/CƠ SỞ Y TẾ

❖ Gói Private 2

STT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
21	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa Khoa Đức Minh
22	Ninh Bình	Trung tâm y cao Hoa Hồng (PK Đa Khoa Y Cao Hoa Hồng)
23	Hà Tĩnh	Bệnh Viện Đa Khoa TTH Hà Tĩnh
24	Hải Phòng	Phòng Khám Đa Khoa Thanh Bình
25	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Tâm An
26	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Tư Nhân Hoàng Long
27	Hưng Yên	Bệnh viện Đa Khoa Hưng Hà
28	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Vạn Gia An
29	Lai Châu	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Lai Châu
30	Lâm Đồng	Phòng Khám Đa Khoa Phương Nam
31	Lạng Sơn	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Ngọc Lan
32	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Hà Nội Lào Cai
33	Tây Ninh	Bệnh Viện Sài Gòn TG
34	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Đông Đô - Hà Nội Chi nhánh Nam Định
35	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa 115 Nghệ An
36	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Hoa Lư - Hà Nội
37	Khánh Hòa	Phòng Khám Đa Khoa Thái Hòa
38	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Âu Cơ
39	Đắk Lắk	Phòng Khám Đa Khoa Đức Tín
40	Quảng Trị	Phòng khám Đa khoa MEDLATEC Quảng Bình

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG

DANH SÁCH BỆNH VIỆN/CƠ SỞ Y TẾ

❖ Gói Private 2

STT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
41	Đà Nẵng	Bệnh Viện Đa Khoa Thái Bình Dương
42	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Phúc Hưng
43	Quảng Trị	Phòng Khám Đa Khoa Trường An
44	Cần Thơ	Bệnh Viện Hoàng Tuấn
45	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa Cuộc Sống
46	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Tư nhân Lê Ngọc Tùng
47	Hưng Yên	Phòng Khám Đa Khoa Sao Mai
48	Thái nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Minh Đức
49	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Hợp Lực
50	Thừa Thiên Huế	Phòng Khám Đa Khoa Y Pháp Việt
51	Đồng Tháp	Phòng Khám Đa Khoa Dân Quý
52	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Thiên Ân
53	Tuyên Quang	Phòng Khám Đa Khoa 153
54	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Xuyên Á
55	Phú Thọ	Bệnh Viện Hữu Nghị Lạc Việt
56	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Phú Thọ

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG

DANH MỤC KHÁM CHI TIẾT

1. Gói khám tại Việt Nam - Danh mục khám chi tiết

❖ Gói Private 1

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng			
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x
4	Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	x	x
5	Kiểm tra TMH	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai.	x	X

❖ Gói Private 1

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm			
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
4	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x
5	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
8	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	
9	Định lượng CA 72-4	Tầm soát ung thư dạ dày	x	x
10	Định lượng Cyfra 21- 1	Tầm soát ung thư phổi	x	x
11	Định lượng CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng		x

DANH MỤC KHÁM CHI TIẾT

❖ Gói Private 1

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
12	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	x	
13	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	x	x
14	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	x	x
15	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	x	x
16	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	x	
17	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x
18	Đường máu HbA1c (tầm soát bệnh tiểu đường)			
19	Định lượng Canxi trong máu		x	x
20	Đo mật độ xương			
21	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	x	x

DANH MỤC KHÁM CHI TIẾT

❖ Gói Private 1

STT		Dịch vụ	Nam	Nữ
III	Khám phụ khoa			
1	KSK_Khám phụ khoa, khám vú	Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.		x
2	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Phát hiện bệnh lý và dị dạng ở tử cung và phần phụ		x
3	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân		x
4	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap smear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào		x



DANH MỤC KHÁM CHI TIẾT

❖ Gói Private 1

STT		Dịch vụ	Nam	Nữ
III	Cận lâm sàng - CĐHA			
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	x	x
3	Siêu âm tiền liệt tuyến qua đường bụng	Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến.	x	
4	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x
5	Siêu âm tim	Kiểm tra các bệnh lý về tim mạch	x	x
6	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	x	x

❖ Gói Private 2

Bao gồm các hạng mục khám của Gói Private 1 và bổ sung thêm các hạng mục tầm soát ung thư gan (Định lượng AFP) và tầm soát bệnh lý tuyến giáp (xét nghiệm FT3, FT4, TSH).



2. Gói khám cao cấp tại Việt Nam (Dành cho Khách hàng có tài sản lớn*)

- **Địa điểm khám:** Bệnh viện đa khoa Vinmec
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám dành cho 1 người với hạng mục như sau

STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
Khám lâm sàng			
1	KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	X	X
2	KSK_Kiểm tra huyết áp, cân nặng (Điều dưỡng)	X	X
3	KSK_Khám thị lực	X	X
4	KSK_Kiểm tra thị lực (Điều dưỡng)	X	X
5	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...) [Đo nhãn áp (1 lần)]	X	X
6	KSK_Khám kiểm tra răng miệng	X	X
7	Khám tai mũi họng với nội soi (có hẹn/ không hẹn)	X	X
Cận lâm sàng - Xét nghiệm			
8	Định lượng Calci toàn phần	X	X
9	Định lượng Calci ion hóa	X	X
10	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	X	X
11	Định lượng ZPP (Zine Proto Phorphyrin) [Kẽm máu]	X	X
12	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X	X
13	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X
14	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X
15	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	X	X
16	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X
17	Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X
18	Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X



STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
19	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	X	X
20	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	X	X
21	Định lượng Cholesterol	X	X
22	Định lượng Triglycerid	X	X
23	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X
24	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X
25	Định lượng Creatinin	X	X
26	Định lượng Ure	X	X
27	Độ lọc cầu thận ước tính (eGFR)	X	X
28	Định lượng Axit uric	X	X
29	Định lượng Glucose	X	X
30	Định lượng HbA1c	X	X
31	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	X	X
32	Định lượng Protein toàn phần	X	X
33	Định lượng Albumin	X	X
34	Định lượng sắt huyết thanh	X	X
35	Định lượng Ferritin	X	X
36	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	X	X
37	Định lượng LDH	X	X
38	Đo hoạt độ Amylase	X	X



STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
39	Định nhóm máu hệ ABO, Rh (D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	X	X
40	HBsAg miễn dịch tự động	X	X
41	HBsAb định lượng	X	X
42	HbC total miễn dịch tự động	X	X
43	HCV Ab miễn dịch tự động	X	X
44	HAV total miễn dịch tự động	X	X
45	HAV IgM miễn dịch tự động	X	X
46	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X	X
47	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X
48	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	X	X
49	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	X	
50	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	X	
51	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)		X
52	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X
53	Định lượng AFP-L3	X	X
54	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence) [PIVKA II]	X	X
55	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	X	X
56	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động) [Soi cặn nước tiểu]	X	X
57	Hồng cầu trong phân test nhanh	X	X



STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh			
58	Chụp Xquang răng toàn cảnh	X	X
59	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	X	X
60	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	X	X
61	Siêu âm tuyến giáp	X	X
62	Điện tim thường	X	X
63	Đo độ loãng xương bằng siêu âm	X	X
64	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	X	X
65	Chụp Xquang ngực thẳng	X	X
66	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	X	X
67	Đánh giá hệ mỡ cơ thể bằng CT Scan	X	X
68	Khám CK Nội tiêu hóa (có hện)	X	X
69	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng (với máy NBI, có gây mê)	X	X
70	Nội soi dạ dày có gây mê (thuốc)	X	X
71	Nội soi dạ dày có gây mê (VTTH)	X	X
72	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết (ống tiêu hóa trên (thực quản, dạ dày, tá tràng, papilla) qua nội soi)	X	X
73	Siêu âm tuyến vú hai bên		X
74	Chụp Xquang tuyến vú (2 bên)		X
Khám phụ khoa			
76	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep		X
77	KSK_Khám phụ khoa, khám vú		X
74	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng [Siêu âm phụ khoa thường quy]		X



3. Gói khám cao cấp tại Việt Nam/Singapore (Dành cho khách hàng có tài sản lớn*)

- **Địa điểm khám:** Áp dụng tại các bệnh viện thuộc top đầu tại Việt Nam, Singapore:
 - Phòng khám ĐK T-Matsuoka – Việt Nam
 - Bệnh viện Vinmec – Việt Nam
 - Bệnh viện Raffles – Singapore
 - Bệnh viện Parkway – Singapore
 - Bệnh viện Singhealth - Singapore
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 5 gói khám sau

❖ Tại Việt Nam

TT	Hạng mục khám	Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T- Matsuoka	Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
I	Khám lâm sàng		
1	Khám nội tổng quát	X	X
2	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	X	
3	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia Chẩn đoán hình ảnh Nhật Bản (khi phát hiện có bất thường)	X	
4	Kết luận và tư vấn sức khỏe cùng chuyên gia	X	X
5	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	X	X
6	Khám chuyên khoa mắt (soi sinh hiển vi và đo thị lực)	X	X
7	Khám chuyên khoa tai mũi họng	X	X
8	Khai thác tiền sử & đo chỉ số sinh tồn	X	X
9	Khám chuyên khoa phụ khoa (nữ)	X	X

❖ **Tại Việt Nam**

TT	Hạng mục khám	Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka	Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
II	Xét nghiệm		
1	Định lượng Axit uric	X	X
2	HIV test nhanh	X	
3	Anti HBs miễn dịch tự động	X	X
4	Đo hoạt độ Amylase	X	X
5	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	X	X
6	Định lượng Sắt huyết thanh	X	X
7	Định lượng Ferritin	X	X
8	Định lượng Canxi ion	X	X
9	Định lượng Canxi toàn phần	X	X
10	Định lượng LDH	X	X
11	Định lượng Albumin máu	X	X
12	Định lượng Protein toàn phần	X	X
13	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X
14	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X	X
15	HCV ab miễn dịch tự động	X	X
16	HBsAg miễn dịch tự động	X	X
17	Định lượng Acid uric	X	X
18	Đông máu cơ bản	X	X
19	Định lượng D-Dimer	X	X
20	Định lượng CRP	X	X



❖ **Tại Việt Nam**

<i>TT</i>	<i>Hạng mục khám</i>	<i>Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka</i>	<i>Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec</i>
II	Xét nghiệm		
21	Định lượng proBNP	X	X
22	Định lượng HbA1c	X	X
23	Định lượng Ure trong máu	X	X
24	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X
25	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X
26	Đo hoạt độ GGT	X	X
27	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X
28	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X	X
29	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	X	X
30	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) (nam)	X	X
31	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) (nam)	X	X
32	Làm test Hp (Urease)	X	X
33	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo) (nữ)	X	X
34	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep (nữ)	X	X
35	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	X	X
36	Định lượng CA 15-3 (nữ)	X	
37	Định lượng CA 12-5 (nữ)	X	X



TT	Hạng mục khám	Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka	Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
II	Xét nghiệm		
42	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X
43	Định lượng Glucose	X	X
44	Định lượng Creatinin	X	X
45	Định lượng HDL-C	X	X
46	Định lượng LDL-C	X	X
47	Định lượng Triglyceride	X	X
48	Định lượng Cholesterol	X	X
49	Xét nghiệm nhóm máu ABO, Rh	X	X
50	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	X	X
III	Thăm dò chức năng		
1	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên+dưới)	X	X
2	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	X	X
3	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản-dạ dày-tá tràng) thông thường	X	X
4	Nội soi cổ tử cung (nữ)	X	
5	Nội soi tai mũi họng	X	X
6	Đo độ khúc xạ	X	X



❖ **Tại Việt Nam**

TT	Hạng mục khám	Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka	Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
7	Đo nhãn áp	X	X
8	Chụp ảnh đáy mắt	X	X
9	Đo chức năng hô hấp	X	X
10	Đo mật độ xương toàn thân	X	X
11	Đo tình trạng xơ cứng động mạch	X	
12	Điện tim	X	X
13	Đo thính lực	X	X
IV	Chẩn đoán hình ảnh		
1	Siêu âm đàn hồi mô gan	X	
2	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	X	
3	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (Máy 1.5 Tesla)	NIN LITE không có	
4	Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)	NIN LITE không có	X
5	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não, không tiêm chất tương phản (Máy 1.5 Tesla)	X	



❖ **Tại Việt Nam**

<i>TT</i>	<i>Hạng mục khám</i>	<i>Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka</i>	<i>Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec</i>
8	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới hai bên	NIN LITE không có	
9	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh – sống nền ngoài sọ	x	
10	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	x	x
11	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên (nam)	x	
12	Siêu âm tuyến vú hai bên (nữ)	x	x
13	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	x	
14	Siêu âm ổ bụng tổng quát	x	x
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám		
1	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú.	x	
2	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập (Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám).	x	
3	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	x	



❖ **Tại Việt Nam**

TT	Hạng mục khám	Gói khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka	Gói khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám		
4	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với BSR/Dược sĩ/ Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ sẽ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại không hay vẫn cần thăm khám trực tiếp)	x	
5	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện sức khỏe. Xua tan gánh nặng, sống chung an toàn với bệnh mãn tính.	x	
6	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/Bác sĩ riêng	x	
7	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại T-Matsuoka hoặc Telehealth	x	
8	Khám định kỳ/theo dõi sức khỏe với Bác sĩ riêng hoặc Telehealth	x	
9	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/quý/năm	x	
10	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng	x	
11	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền	x	
12	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x	



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng							
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x				
4	Phân Tích Thành Phần Cơ Thể	Đo lường lượng mỡ và cơ trong cơ thể	x	x	x	x	x	x
5	Khám mắt	Thị lực, thị giác màu, đo áp lực nhãn cầu, chụp võng mạc			x	x		
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x	x	x	x	x



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
4	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	X	X	X	X	X	X
5	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan						
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	X	X	X	X	X	X
8	Định lượng CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng	X	X				



❖ **Tại Singapore**

TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
9	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	x		x		x	
10	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	x	x	x	x	x	x
11	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận						
12	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.			x	x	x	x
13	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	x	x	x	x	x	x
14	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x	x	x		
15	Đường máu HbA1c (tầm soát bệnh tiểu đường)		x	x	x	x		



❖ **Tại Singapore**

TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
16	Định lượng Canxi trong máu		X	X	X	X		
17	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	X	X	X	X	X	X
18	Tỷ lệ Microalbumin/Creatinine niệu		X	X	X	X	X	X
19	Máu lắng (ESR)		X	X				
20	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp (T4 & TSH)		X	X	X	X	X	X
21	Miễn dịch: Yếu tố viêm khớp dạng thấp (RF)		X	X				
22	Tầm soát bệnh tim mạch (HS CRP)		X	X				
23	Vitamin D		X	X	X	X	X	X
24	Tầm soát thiếu máu (B12)		X	X				
25	Tầm soát thiếu máu (Folate)		X	X				
26	Sắt		X	X				
27	Ferritin		X	X				
28	Tầm soát Viêm gan A		X	X	X	X	X	X
29	Tầm soát Viêm gan B		X	X	X	X	X	X
30	Tầm soát Viêm gan C		X	X	X	X	X	X
31	Tầm soát HIV		X	X				



❖ **Tại Singapore**

TT	Hạng mục khám	Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm						
32	Tầm soát bệnh lây qua đường tình dục (VDRL / TPFA)	X	X				
33	Rubella IgG	X	X				
34	Dấu ấn Ung thư - Gan (AFP)			X	X	X	X
35	Dấu ấn Ung thư - Tuyến tụy (CA 19.9)	X	X	X	X	X	X
36	Dấu ấn Ung thư -Tai Mũi Họng (EBV)	X	X	X	X		
37	Dấu ấn Ung thư - Phổi (Cyfra21)	X					
38	Xét nghiệm máu ẩn phân	X	X	X	X	X	X
39	Helicobacter Pylori IgG	X	X				
40	Dấu ấn Ung thư - Buồng trứng (CA 125)	X	X		X		X
41	Dấu ấn Ung thư - Vú (CA 15.3)		X		X		
42	Dấu ấn Ung thư- Tế bào mầm (B-HCG)	X	X				
43	Nội tiết tố (Testosterone)	X					
44	Magnesium	X	X				
45	Insulin	X	X				
46	Measle Virus IgG	X	X				
47	XN chẩn đoán sớm ung thư dạ dày	X	X				



❖ Tại Singapore

TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
III	Khám phụ khoa							
1	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân		X				
2	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap smear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào				X		X
3	Siêu âm vùng chậu							X
4	Chụp nhũ ảnh							X
IV	Cận lâm sàng - CDHA							
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.			X	X	X	X
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	X	X	X	X	X	X
3	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	X	X	X	X		
4	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim			X	X	X	X
5	Điện tim gắng sức				X	X	X	X



4. Gói khám cao cấp tại Việt Nam/Singapore/Nhật Bản (Dành cho khách hàng có tài sản lớn*)

- **Địa điểm khám:** Áp dụng tại các bệnh viện thuộc top đầu tại Việt Nam, Singapore và Nhật Bản:
 - Phòng khám ĐK T-Matsuoka – Việt Nam
 - Bệnh viện Raffles – Singapore
 - Bệnh viện Parkway – Singapore
 - Bệnh viện Singhealth – Singapore
 - Bệnh viện Ariake – Nhật Bản
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 5 gói khám sau

❖ Tại Việt Nam

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
I	Khám lâm sàng	
1	Khám nội tổng quát	x
2	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x
3	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia Chẩn đoán hình ảnh Nhật Bản (khi phát hiện có bất thường)	x
4	Kết luận và tư vấn sức khỏe cùng chuyên gia	x
5	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	x
6	Khám chuyên khoa mắt (soi sinh hiển vi và đo thị lực)	x
7	Khám chuyên khoa tai mũi họng	x
8	Khai thác tiền sử & đo chỉ số sinh tồn	x
9	Khám chuyên khoa phụ khoa (nữ)	x

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
II	Xét nghiệm	
1	Định lượng Axit uric	X
2	HIV test nhanh	X
3	Anti HBs miễn dịch tự động	X
4	Đo hoạt độ Amylase	X
5	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	X
6	Định lượng Sắt huyết thanh	X
7	Định lượng Ferritin	X
8	Định lượng Canxi ion	X
9	Định lượng Canxi toàn phần	X
10	Định lượng LDH	X
11	Định lượng Albumin máu	X
12	Định lượng Protein toàn phần	X
13	Định lượng Bilirubin toàn phần	X
14	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X
15	HCV ab miễn dịch tự động	X

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
II	Xét nghiệm	
16	HBsAg miễn dịch tự động	X
17	Định lượng Acid uric	X
18	Đông máu cơ bản	X
19	Định lượng D-Dimer	X
20	Định lượng CRP	X
21	Định lượng proBNP	X
22	Định lượng HbA1c	X
23	Định lượng Ure trong máu	X
24	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X
25	Đo hoạt độ AST (GOT)	X
26	Đo hoạt độ GGT	X
27	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X
28	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X
29	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	X
30	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) (nam)	X

❖ **Tại Việt Nam**

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
II	Xét nghiệm	
31	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) (nam)	X
32	Làm test Hp (Urease)	X
33	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo) (nữ)	X
34	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep (nữ)	X
35	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	X
36	Định lượng CA 15-3 (nữ)	X
37	Định lượng CA 12-5 (nữ)	X
38	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	X
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	X
40	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	X
41	Định lượng Cyfra 21-1	X
42	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X
43	Định lượng Glucose	X
44	Định lượng Creatinin	X
45	Định lượng HDL-C	X
46	Định lượng LDL-C	X
47	Định lượng Triglyceride	X
48	Định lượng Cholesterol	X
49	Xét nghiệm nhóm máu ABO, Rh	X
50	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	X

❖ **Tại Việt Nam**

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
III	Thăm dò chức năng	
1	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên+dưới)	x
2	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	x
3	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản-dạ dày-tá tràng) thông thường	x
4	Nội soi cổ tử cung (nữ)	x
5	Nội soi tai mũi họng	x
6	Đo độ khúc xạ	x
7	Đo nhãn áp	x
8	Chụp ảnh đáy mắt	x
9	Đo chức năng hô hấp	x
10	Đo mật độ xương toàn thân	x
11	Đo tình trạng xơ cứng động mạch	x
12	Điện tim	x
13	Đo thính lực	x
IV	Chẩn đoán hình ảnh	
1	Siêu âm đàn hồi mô gan	đã có trong dịch vụ Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)
2	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	x

❖ **Tại Việt Nam**

STT	Danh sách dịch vụ khám	Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
IV	Chẩn đoán hình ảnh	
3	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (Máy 1.5 Tesla)	x
4	Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)	x
5	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não, không tiêm chất tương phản (Máy 1.5 Tesla)	x
6	Chụp CLVT ngực - bụng tiểu khung kèm đánh giá mỡ nội tạng (không tiêm thuốc cản quang)	x
7	Chụp X-quang tuyến vú 2 bên (Mammography) (nữ)	x
8	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới hai bên	x
9	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh – sống nền ngoài sọ	x
10	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	x
11	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên (nam)	x
12	Siêu âm tuyến vú hai bên (nữ)	x
13	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	x
14	Siêu âm ổ bụng tổng quát	x
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám	
1	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú.	x
2	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập (Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám).	x
3	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	x

❖ **Tại Việt Nam**

<i>STT</i>	<i>Danh sách dịch vụ khám</i>	<i>Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka</i>
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám	
4	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với BSR/Dược sĩ/ Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ sẽ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại không hay vẫn cần thăm khám trực tiếp)	x
5	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện sức khỏe. Xua tan gánh nặng, sống chung an toàn với bệnh mãn tính.	x
6	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/Bác sĩ riêng	x
7	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại T-Matsuoka hoặc Telehealth	x
8	Khám định kì/theo dõi sức khỏe với Bác sĩ riêng hoặc Telehealth	x
9	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/quý/năm	x
10	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng	x
11	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền	x
12	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x

TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng							
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x				
4	Phân Tích Thành Phần Cơ Thể	Đo lường lượng mỡ và cơ trong cơ thể	x	x	x	x	x	x
5	Khám mắt	Thị lực, thị giác màu, đo áp lực nhãn cầu, chụp võng mạc			x	x	x	x
6	Tầm soát diabetic foot						x	x
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x	x	x	x	x



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng – xét nghiệm							
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x	x	x	x	x
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
4	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
5	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x	x	x	x	x
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan						
8	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt			x		x	
9	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	x	x	x	x	x	x



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng – xét nghiệm							
10	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận						
11	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	X	X	X	X	X	X
12	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	X	X	X	X	X	X
13	Điện giải đồ (Na,K,Cl,Ca,P, Mg)				X	X		
14	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	X	X	X	X	X	X
15	Đường máu HbA1c (tầm soát bệnh tiểu đường)		X	X	X	X	X	X
16	Định lượng Canxi trong máu		X	X				



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng – xét nghiệm							
17	Đo mật độ xương				X	X		
18	GATO Prime	Tầm soát thoái hóa đầu gối - chân			X	X		
19	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	X	X	X	X	X	X
20	Tỷ lệ Microalbumin/Creatinine niệu		X	X	X	X	X	X
21	Máu lắng (ESR)		X	X				
22	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp (T4 & TSH)		X	X	X	X	X	X
23	Miễn dịch: Yếu tố viêm khớp dạng thấp (RF)		X	X				
24	Miễn dịch (Anti-DS DNA Antibody, ANA)		X	X				
25	Tầm soát bệnh tim mạch (Homocysteine)		X	X				
26	Tầm soát bệnh tim mạch (HS CRP)		X	X				
27	Vitamin D		X	X	X	X	X	X
28	Tầm soát thiếu máu (B12)		X	X	X	X		
29	Tầm soát thiếu máu (Folate)		X	X				



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
II	Cận lâm sàng – xét nghiệm							
31	Sắt		X	X				
32	Ferritin		X	X	X	X		
33	Tầm soát Viêm gan A		X	X	X	X	X	X
34	Tầm soát Viêm gan B		X	X	X	X	X	X
35	Tầm soát Viêm gan C		X	X	X	X	X	X
36	Tầm soát HIV		X	X				
37	Tầm soát bệnh lây qua đường tình dục (VDRL / TPHA)		X	X				
38	Rubella IgG		X	X				
39	Dấu ấn Ung thư - Gan (AFP)		X	X	X	X	X	X
40	Dấu ấn Ung thư - Tuyến tụy (CA 19.9)		X	X	X	X	X	X
41	Dấu ấn Ung thư -Tai Mũi Họng (EBV)		X	X	X	X		
42	Dấu ấn Ung thư - Phổi (Cyfra21)		X	X				
43	Xét nghiệm máu ẩn phân		X	X	X	X	X	X
44	Helicobacter Pylori IgG		X	X				
45	Dấu ấn Ung thư - Buồng trứng (CA 125)		X	X		X		X
46	Dấu ấn Ung thư - Vú (CA 15.3)		X	X		X		
47	Dấu ấn Ung thư- Tế bào mầm (B-HCG)		X	X				
48	Nội tiết tố (E2, LH, FSH, Progesterone)		X	X				
49	Xét nghiệm thối Urea				X	X		
50	XN chẩn đoán sớm ung thư dạ dày				X	X		



TT	Hạng mục khám		Bệnh viện Raffles		Bệnh viện Parkway		Bệnh viện Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
III	Khám phụ khoa							
1	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x		x		
2	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap mear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào	x	x		x		x
3	Siêu âm vùng chậu							x
4	Chụp nhũ ảnh							x
IV	Cận lâm sàng - CDHA							
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x	x	x	x	x
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	x	x	x	x	x	x
3	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x	x	x		



TT	Nội dung xét nghiệm	Gói tầm soát ung thư	
		Nam	Nữ
1	Nội soi dạ dày Thực quản, dạ dày, tá tràng	X	X
2	Kiểm tra ung thư phổi Chụp CT xoắn ốc phổi	X	X
3	Siêu âm ổ bụng, kiểm tra máu, nước tiểu Gan, mật, tụy, thận	X	X
4	Kiểm tra phân 2 lần	X	X
5	Kiểm tra máu, nước tiểu Sinh hóa, chỉ điểm u CEA, AFP, CA19-9. PSA(nam giới) hoặc CA125(phụ nữ)	X	X
6	Khám nội khoa	X	X
7	Điện tâm đồ	X	X
8	Kiểm tra đáy mắt, thính lực	X	X
9	Kiểm tra tuyến giáp Siêu âm, xét nghiệm máu		X
10	Kiểm tra ung thư vú Nhũ ảnh, siêu âm (phụ nữ dưới 35 tuổi chỉ siêu âm)		X
11	Ung thư tử cung, buồng trứng Kiểm tra tế bào cổ tử cung, thành tử cung, siêu âm, kiểm tra virus HPV		X
12	Mật độ xương		X



Lưu ý:

- Khách hàng gọi lên Tổng đài BIDV số 1800969659 nhánh 1/ ứng dụng BIDV Smartbanking hoặc theo các phương thức quy định của BIDV từng thời kỳ để đặt dịch vụ
- Chủ thẻ phải đặt dịch vụ trước tối thiểu 24h trước giờ sử dụng dịch vụ với ngày thường và trước tối thiểu 48 giờ với ngày cuối tuần/ nghỉ lễ hoặc theo thông báo của Tổng đài cập nhật trong từng thời kỳ.
- Thời gian sử dụng dịch vụ: trong vòng 01 tháng kể từ thời điểm đặt dịch vụ
- Thời gian khách hàng hủy dịch vụ tối thiểu: 24h trước giờ sử dụng dịch vụ. Việc hoàn, hủy dịch vụ sẽ do quy định của nhà cung cấp và được thông báo cụ thể trong xác nhận dịch vụ gửi qua email tới Khách hàng.

